

Số: 119/QĐ-PHGL-CTSV

Gia Lai, ngày 05 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Trợ cấp xã hội từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2022

**GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
TẠI TỈNH GIA LAI**

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét Miễn giảm học phí, Hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội ngày 16/6/2022 của Hội đồng xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí cho sinh viên năm học 2021 – 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Chính trị và Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội đối với 16 sinh viên là người Dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng cao (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức trợ cấp cụ thể như sau:

140.000 đ/tháng/SV x 6 tháng x 16 SV = 13.440.000 đ.

Bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng.

Điều 3. Trưởng Phòng Chính trị và công tác sinh viên; Trưởng Phòng Tài chính, Kế toán; Trưởng các đơn vị có liên quan; Giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT; CT&CTSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Ngô Văn Long

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI TỪ THÁNG 7 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2022



(Kèm theo Quyết định số: 179/QĐ-PHGL-CTSV ngày 05/12/2022 của

Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai)

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	SỐ TIỀN TRỢ CẤP NĂM 2022							GHI CHÚ
				THÁNG 7	THÁNG 8	THÁNG 9	THÁNG 10	THÁNG 11	THÁNG 12	TỔNG	
1	2043130544	Nguyễn Đức Huy	K65 KHCT	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
2	2043130648	Rơ Châm Ưng	K65 KHCT	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
3	2043130642	Chư Rum Khâm	K65 KHCT	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
4	2043130641	Ksor H' Như	K65 KHCT	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
5	2043130640	Ksor H' Hương	K65 KHCT	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
6	2170112007	Puih Phú	BVTV K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
7	2170110024	Điều Thanh Kỳ	KHCT K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
8	2170110026	Rơ Châm Mại	KHCT K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
9	2170110027	Ksor Mao	KHCT K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
10	2170110028	Puih Mến	KHCT K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
11	2170110029	Rơ Châm Ngân	KHCT K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
12	2170110039	Rmah Khâm	KHCT K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
13	2170205043	Rơ Châm Biên	LS K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
14	2170101059	Ksor Duân	QTKD K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
15	2170101061	Rlan H' Nhung	QTKD K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
16	2170101066	Dương Quốc Khánh	QTKD K66	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	840,000	
TỔNG										13,440,000	

(Chữ ký)